

# Phát triển nhân lực KH&CN: cần thực hiện đồng bộ các giải pháp

**ĐINH VIỆT BÁCH**  
Bộ KH&CN

Sau 16 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khoá VIII, nguồn nhân lực khoa học và công nghệ (KH&CN) của nước ta đã được tăng cường đáng kể cả về số lượng và chất lượng. Tuy nhiên, so với yêu cầu phát triển, nguồn nhân lực KH&CN vẫn còn thiếu hụt và bất cập. Theo các nhà quản lý, nhà khoa học, để khắc phục những hạn chế của nguồn nhân lực KH&CN hiện nay thì chúng ta cần phải thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp.

## Nhân lực KH&CN - Thực trạng còn nhiều bất cập

Được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, trong thời gian qua, nhiều chính sách đối mới cơ chế hoạt động của tổ chức KH&CN đã được xây dựng, tạo điều kiện phát triển nguồn nhân lực KH&CN. Các cơ sở đào tạo đã chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của thực tiễn công tác quản lý và tổ chức các hoạt động nghiên cứu thay vì đào tạo theo chương trình mà các nhà trường đang có sẵn.

Tuy nhiên thực tế cho thấy, tỷ lệ nguồn nhân lực được đào tạo và sử dụng đúng ngành nghề liên quan đến hoạt động KH&CN còn thấp; điều kiện và khả năng tiếp cận với trình độ quản lý, nghiên cứu của các nước trong khu vực và trên thế giới còn hạn chế. Cơ cấu đội ngũ cán bộ KH&CN theo độ tuổi và theo trình độ chưa phù hợp, dẫn đến nguy cơ thiếu hụt nguồn nhân lực kế cận trong thời gian tới; trình độ cán bộ và sự phân bố nguồn nhân lực không đồng đều giữa Trung ương và địa phương, cơ cấu đội ngũ cán bộ KH&CN giữa các ngành, lĩnh vực chưa hợp lý, chưa có sự tập trung đối với một số lĩnh vực KH&CN ưu tiên. Các cơ sở đào tạo chuyên ngành KH&CN còn nhỏ lẻ, chưa có quy hoạch đồng bộ.

Tại các bộ/ngành ở Trung ương (không tính Bộ KH&CN) có các Vụ KH&CN tham mưu giúp Bộ trưởng xây dựng các cơ chế, chính sách cũng như quản lý KH&CN thuộc lĩnh vực bộ/ngành phụ trách. Theo thống kê, hiện nay có 10 Vụ KH&CN tại 10 bộ/ngành và 4 Vụ (Ban) quản lý hoạt động KH&CN tại các cơ quan thuộc Chính phủ (Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ

Chí Minh) với tổng số cán bộ tham gia quản lý nhà nước về KH&CN là 286 người, trong đó có 61 cán bộ có trình độ tiến sỹ (21,3%); 159 cán bộ có trình độ thạc sỹ (55,6%); 66 cán bộ có trình độ đại học (23,1%).

Ở địa phương có 3.138 cán bộ tham gia quản lý tại các Sở KH&CN thuộc các tỉnh/thành phố, trong đó có 35 tiến sỹ (1,1%), 234 thạc sỹ (7,4%), 2.627 cao đẳng và đại học (83,7%). Số liệu cán bộ quản lý KH&CN được tổng hợp tại bảng 1.

Bảng 1: tổng hợp số liệu nhân lực quản lý KH&CN

| TT                     | Khối quản lý                   | Số nhân lực | Giới tính        |                | Độ tuổi          |                | Trình độ      |                |                  |               |
|------------------------|--------------------------------|-------------|------------------|----------------|------------------|----------------|---------------|----------------|------------------|---------------|
|                        |                                |             | Nam              | Nữ             | Dưới 45          | Trên 45        | TS            | ThS            | ĐH               | Khác          |
| 1. Bộ KH&CN            |                                |             |                  |                |                  |                |               |                |                  |               |
| 1.1                    | An toàn bức xạ                 | 40          | 24<br>(60%)      | 16<br>(40%)    | 23<br>(57,5%)    | 17<br>(42,5%)  | 8<br>(20%)    | 4<br>(10%)     | 21<br>(52,5%)    | 7<br>(17,5%)  |
| 1.2                    | Năng lượng nguyên tử           | 20          | 7<br>(35%)       | 13<br>(65%)    | 13<br>(65%)      | 7<br>(35%)     | 3<br>(15%)    | 10<br>(50%)    | 7<br>(35%)       | 0<br>(0%)     |
| 1.3                    | Sở hữu trí tuệ                 | 95          | 55<br>(57,9%)    | 40<br>(42,1%)  | 59<br>(62,1%)    | 36<br>(37,9%)  | 8<br>(8,4%)   | 20<br>(21,1%)  | 62<br>(65,2%)    | 5<br>(5,3%)   |
| 1.4                    | Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng | 129         | 76<br>(58,9%)    | 53<br>(41,1%)  | 77<br>(59,7%)    | 52<br>(40,3%)  | 5<br>(3,9%)   | 11<br>(8,5%)   | 95<br>(73,6%)    | 18<br>(14%)   |
| 1.5                    | Quản lý KH&CN                  | 226         | 152<br>(67,3%)   | 74<br>(32,7%)  | 102<br>(45,2%)   | 124<br>(54,8%) | 24<br>(10,7)  | 53<br>(23,4%)  | 137<br>(60,6%)   | 12<br>(5,3%)  |
| Tổng số                |                                | 510         | 314<br>(61,4%)   | 196<br>(38,4%) | 274<br>(53,7%)   | 236<br>(46,3%) | 48<br>(9,5%)  | 98<br>(19,2%)  | 322<br>(63,1%)   | 42<br>(8,2%)  |
| 2. Bộ/ngành Trung ương |                                |             |                  |                |                  |                |               |                |                  |               |
|                        | Các Vụ KH&CN                   | 286         | 211<br>(73,8%)   | 75<br>(26,2%)  | 191<br>(66,8%)   | 95<br>(33,2%)  | 61<br>(21,3%) | 159<br>(55,6%) | 66<br>(23,1%)    | 0<br>(0%)     |
| 3. Các tỉnh/thành phố  |                                |             |                  |                |                  |                |               |                |                  |               |
|                        | Sở KH&CN                       | 3.138       | 2.165<br>(68,9%) | 973<br>(31,1%) | 2.227<br>(70,9%) | 911<br>(31,1%) | 35<br>(1,1%)  | 234<br>(7,4%)  | 2.627<br>(83,7%) | 242<br>(7,8%) |
|                        | Tổng số                        | 3.934       | 2.690            | 1.244          | 2.692            | 1.242          | 144           | 491            | 3.015            | 284           |

Hiện nay cả nước có khoảng 1.500 tổ chức KH&CN, trong đó khoảng 1.000 tổ chức ở Trung ương (chiếm 66,1%) và 500 tổ chức ở địa phương (chiếm 33,9%). Số người làm nghiên cứu khoa học và phát triển công

nghe là 60.543 người, được phân bổ theo 5 lĩnh vực cụ thể (xem bảng 2).

Bảng 2: nhân lực khoa học trong các tổ chức KH&CN theo các lĩnh vực

| TT | Lĩnh vực                       | Số tổ chức KH&CN | Số nhân lực | Giới tính |        | Độ tuổi |        | Trình độ |        |        |        |  |
|----|--------------------------------|------------------|-------------|-----------|--------|---------|--------|----------|--------|--------|--------|--|
|    |                                |                  |             | Nam       | Nữ     | ≤ 45    | > 45   | TS       | ThS    | DH     | Khác   |  |
| 1  | Khoa học xã hội và nhân văn    | 149              | 6.420       | 3.435     | 2.985  | 3.827   | 2.593  | 667      | 1.585  | 3.554  | 614    |  |
| 2  | Khoa học tự nhiên              | 124              | 4.460       | 2.916     | 1.544  | 2.547   | 1.913  | 894      | 975    | 1.987  | 604    |  |
| 3  | Khoa học nông nghiệp           | 327              | 15.302      | 9.546     | 5.756  | 8.732   | 6.570  | 1.139    | 2.678  | 7.433  | 4.052  |  |
| 4  | Khoa học y dược                | 103              | 6.548       | 3.775     | 2.773  | 4.275   | 2.273  | 844      | 1.396  | 2.710  | 1.598  |  |
| 5  | Khoa học kỹ thuật và công nghệ | 810              | 27.813      | 17.816    | 9.997  | 18.075  | 9.738  | 1.749    | 4.447  | 13.005 | 8.612  |  |
| 6  | Tổng số                        | 1.513            | 60.543      | 37.488    | 23.055 | 37.456  | 23.087 | 5.293    | 11.081 | 28.689 | 15.480 |  |

Số liệu từ các bảng trên cho thấy, sau 16 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khoá VIII, với sự nỗ lực của Bộ KH&CN, các bộ/ngành, địa phương, nguồn nhân lực KH&CN đã được tăng cường đáng kể cả về số lượng và chất lượng. Tuy nhiên, so với yêu cầu và tốc độ phát triển, đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý KH&CN và nguồn nhân lực trực tiếp làm công tác nghiên cứu khoa học vẫn còn thiếu hụt và bất cập, cụ thể như:

*Đội ngũ cán bộ quản lý KH&CN* cơ bản đã đáp ứng tiêu chuẩn ngạch, bậc theo yêu cầu. Tuy nhiên, việc thiếu hụt những chuyên gia quản lý đầu ngành, lĩnh vực cũng như việc đào tạo, bồi dưỡng thành thạo ngoại ngữ đủ khả năng làm việc trực tiếp với chuyên gia, đối tác nước ngoài vẫn là đòi hỏi cấp thiết.

*Nhân lực KH&CN* trực tiếp làm công tác nghiên cứu khoa học về mặt chất lượng, cũng như số lượng vẫn tập trung chủ yếu ở các tổ chức KH&CN Trung ương, đặc biệt ở hai viện thuộc Chính phủ là Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam và Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam. Nhân lực KH&CN của các tổ chức KH&CN ở địa phương phân bổ không đều, phần lớn tập trung ở thành phố lớn; ở khu vực xa trung tâm, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ cán bộ khoa học có trình độ trên đại học rất thấp.

*Nguồn nhân lực chất lượng cao* (có học hàm GS và PGS, học vị TSKH và TS) có xu thế giảm, do các cán bộ khoa học đầu đàn lần lượt đến tuổi nghỉ chế độ, trong khi đó khả năng thu hút, tuyển dụng nguồn nhân lực trẻ có trình độ tại các tổ chức KH&CN thấp; cơ chế đào tạo cán bộ có trình độ cao trong KH&CN còn bất cập về chương trình đào tạo, kinh phí hỗ trợ...

Các chủ trương, chính sách phát triển nguồn nhân



Hội thảo Phát triển nguồn nhân lực giữa Việt Nam và Vương quốc Bỉ

lực KH&CN vẫn còn chưa phù hợp với chính sách phát triển kinh tế - xã hội, chưa tạo môi trường và động lực thúc đẩy đội ngũ cán bộ KH&CN đem hết tài năng cống hiến cho đất nước. Một số hạn chế trong cơ chế quản lý đội ngũ cán bộ KH&CN thể hiện cụ thể trên các mặt sau:

- Các tổ chức, đơn vị KH&CN chưa được cơ quan chủ quản trao quyền chủ động trong tuyển dụng và quản lý nhân lực, nhiều người không đáp ứng được yêu cầu công việc, song người lãnh đạo không có quyền sàng lọc, hoặc về lý thuyết là có nhưng trên thực tế lại hầu như không thể thực hiện được quyền đó. Cơ chế trách nhiệm của người lãnh đạo, quản lý tổ chức, đơn vị còn hạn chế và khó thực hiện. Quy định kinh phí hoạt động cho các tổ chức KH&CN theo đầu biên chế còn thiếu căn cứ khoa học, làm hạn chế quy mô phát triển của các tổ chức KH&CN cũng như yêu cầu phát triển của đất nước.

- Các quy định về quyền hạn và trách nhiệm của người trực tiếp làm công tác nghiên cứu khoa học cũng như cá nhân người lãnh đạo tổ chức KH&CN còn thiếu cụ thể, chưa rõ ràng và có những ràng buộc bất hợp lý, chưa gắn với kết quả và hiệu quả hoạt động của cá nhân. Tình trạng đó dẫn đến hiện tượng phổ biến trong các tổ chức KH&CN hiện nay là “vừa thừa vừa thiếu” cán bộ nghiên cứu. Một số cán bộ khoa học không được sử dụng đúng chuyên môn, đúng sở trường, nên không phát huy được năng lực của họ.

- Chế độ đãi ngộ thông qua tiền lương còn hạn chế, chưa đủ tái sản xuất sức lao động và còn nhiều bất hợp lý, chưa thực sự dựa trên kết quả công việc, do đó cán bộ khoa học thiếu tâm huyết với công việc nghiên cứu khoa học được giao. Nhiều người phải lo làm thêm nhiều việc không thật gắn với lĩnh vực chuyên môn của

mình để tăng thêm thu nhập, đảm bảo cho cuộc sống hàng ngày. Điều này dẫn đến tình trạng thiếu nguồn bổ sung đội ngũ cán bộ khoa học trẻ, những người tốt nghiệp đại học loại giỏi, có khả năng nghiên cứu sáng tạo không muốn theo đuổi con đường nghiên cứu khoa học. Chính vì vậy, đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ cao và chuyên sâu, đầu ngành đang bị mai một dần, trong khi đó lực lượng trẻ có khả năng kế cận đang bị hụt hẫng nghiêm trọng.

### **Phát triển nhân lực KH&CN: cần thực hiện đồng bộ các giải pháp**

Một trong những quan điểm trong định hướng phát triển KH&CN đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Đảng ta khẳng định trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế là: *“Đầu tư cho nhân lực KH&CN là đầu tư cho phát triển bền vững, trực tiếp nâng tầm trí tuệ và sức mạnh của dân tộc. Đảng và Nhà nước có chính sách phát triển, phát huy và trọng dụng đội ngũ cán bộ KH&CN”*.

Quán triệt quan điểm đó, chúng ta cần phải đổi mới quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, đổi mới cơ chế, chính sách sử dụng và trọng dụng cán bộ KH&CN, cụ thể cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

- Xây dựng và thực hiện quy hoạch phát triển nhân lực KH&CN phải gắn kết chặt chẽ với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng vùng, từng địa phương và từng thời kỳ; quy hoạch nhân lực KH&CN phải có tính khả thi cao, phù hợp và đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước tới năm 2020 và tầm nhìn 2030. Chú trọng phát triển đội ngũ cán bộ khoa học trong các lĩnh vực KH&CN ưu tiên và cán bộ khoa học tại các địa phương, đặc biệt là tại các vùng kinh tế - xã hội có điều kiện khó khăn và đặc biệt khó khăn.

- Xây dựng và thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng, đãi ngộ, tôn vinh đội ngũ cán bộ KH&CN. Bên cạnh đó, có chính sách trọng dụng đặc biệt đối với cán bộ KH&CN đầu ngành, cán bộ KH&CN được giao chủ trì nhiệm vụ quan trọng của quốc gia, cán bộ KH&CN trẻ tài năng. Thực hiện xã hội hóa công tác đào tạo, bồi dưỡng trong lĩnh vực KH&CN, thu hút các nguồn lực tham gia đào tạo cán bộ KH&CN.

- Lồng ghép, đưa nội dung phát triển nguồn nhân lực KH&CN vào các chủ trương, chính sách phát triển chung và chính sách phát triển nguồn nhân lực của các địa phương, các bộ/ngành và các dự án phát triển có liên quan, đặc biệt là các dự án hợp tác quốc tế, đề tài/dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.



- Xây dựng chính sách khuyến khích các cơ sở đào tạo có uy tín trên thế giới liên doanh, liên kết đầu tư về giáo dục, đào tạo nhân lực trong các lĩnh vực KH&CN ưu tiên phát triển tại Việt Nam.

- Có chính sách về nhà ở, thu nhập xứng đáng với sự sáng tạo và công sức đóng góp của đội ngũ cán bộ KH&CN để họ yên tâm và hăng say với công tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Tạo môi trường và mọi điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc thuận lợi để cán bộ KH&CN không ngừng phát triển tài năng và có nhiều đóng góp sáng tạo hơn trong hoạt động nghiên cứu. Xây dựng chính sách khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ khoa học có năng lực được công tác, tham gia nghiên cứu ngắn hạn hoặc dài hạn ở các nước tiên tiến để học tập, tiếp thu tri thức mới phục vụ cho công việc.

- Quan tâm thu hút, trọng dụng có hiệu quả đội ngũ sinh viên, nghiên cứu sinh, thực tập sinh, chuyên gia KH&CN người Việt Nam ở nước ngoài và cá nhân các nhà khoa học người nước ngoài tham gia nghiên cứu khoa học và có nhiều đóng góp đối với KH&CN của Việt Nam. Có chính sách ưu đãi riêng về nhà ở, thị thực... đối với cán bộ KH&CN Việt kiều và người nước ngoài tham gia hoạt động KH&CN ở Việt Nam. Có chính sách hỗ trợ cán bộ KH&CN đi làm việc và thực tập có thời hạn tại các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp ở nước ngoài để giải quyết các nhiệm vụ KH&CN có ý nghĩa quốc gia.

- Hoàn thiện hệ thống chức danh, chức vụ KH&CN, đổi mới công tác tuyển dụng, bố trí, đánh giá và bổ nhiệm cán bộ KH&CN, để lựa chọn được những cán bộ khoa học trẻ có năng lực, trình độ, có phẩm chất đạo đức, hăng say và sẵn sàng gắn bó lâu dài với công tác nghiên cứu khoa học. Có chính sách tiếp tục sử dụng các cán bộ KH&CN trình độ cao đã hết tuổi lao động nhưng có tâm huyết và còn sức khỏe làm việc vào công tác nghiên cứu khoa học.

- Cải tiến hệ thống giải thưởng KH&CN, danh hiệu vinh dự nhà nước cho cán bộ KH&CN. Kịp thời đánh giá, tặng thưởng và tôn vinh đối với các nhà khoa học có công trình khoa học có ý nghĩa, có đóng góp to lớn vào sự phát triển KH&CN nói riêng và sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội nói chung ■